

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2020/DS-ST

Ngày: 15-01-2020

V/v: “Tranh chấp hợp đồng
dân sự vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Ngô Anh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Đình Nhân.
2. Ông Nguyễn Huy Khoa.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Tấn – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 281/2019/TLST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2019 về: “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2019/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 12 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1987; địa chỉ: Số 27, Đường T, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Bà L ủy quyền cho bà Trương Thị D, sinh năm 1958; địa chỉ: Số 27, Đường T, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (theo Giấy ủy quyền ngày 12/9/2019).

- Bị đơn: Bà Vũ Thị H, sinh năm 1985; địa chỉ: Số 09, Đường P, Lô T, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa, bà D có mặt; bà L, bà H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/8/2019, bản tự khai và lời khai tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L **ủy quyền cho bà Trương Thị D** trình bày:

Ngày 18/3/2019 **bà Nguyễn Thị L** cho bà Vũ Thị H vay số tiền 1.550.000.000 đồng. Mục đích vay, để bà H nhận chuyển nhượng đất của người khác. Thời hạn vay

30 ngày, kể từ ngày 18/3/2019 đến ngày 18/4/2019. **Lãi suất tự thỏa thuận.** Khi vay hai bên có viết giấy mượn tiền, đồng thời bà H có thể chấp cho bà L 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Vũ Thị H, số sổ BS 740526, do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 27/3/2014.

Đến thời hạn thanh toán, dù bà L đã nhiều lần yêu cầu bà H thanh toán số tiền nợ vay nhưng bà H không thanh toán. Từ khi vay đến nay bà H chưa thanh toán cho bà L bất kỳ khoản tiền nào.

Nay bà L khởi kiện yêu cầu bà H thanh toán cho bà L số tiền nợ gốc là 1.550.000.000 đồng và nợ lãi phát sinh từ thời điểm vay đến ngày xét xử vụ án theo mức lãi suất 0.83%/tháng. Bà L đồng ý trả lại cho bà H 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Vũ Thị H, số sổ BS 740526, do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 27/3/2014.

Toà án đã tiến hành triệu tập hợp lệ bị đơn bà H đến Tòa án để làm việc, lấy lời khai, hòa giải nhưng bà H vắng mặt không lý do. Vì vậy Tòa án không tiến hành làm việc, lấy lời khai, hoà giải được.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bà H vắng mặt không có lý do dù đã được triệu tập hợp lệ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán trong quá trình thụ lý vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa là đúng pháp luật; Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L. Buộc bà H có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền nợ gốc là 1.550.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xuất phát từ việc vay tài sản giữa bà L và bà H. Do bà H vi phạm thời hạn thanh toán nợ vay nên bà L khởi kiện yêu cầu bà H thanh toán số tiền nợ gốc 1.550.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh nên Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị L và bị đơn bà Vũ Thị H. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng theo khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà H đến Tòa án để làm việc, hòa giải, xét xử nhưng bà H vắng mặt không lý do, như vậy bà H tự khước từ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Xét yêu cầu của nguyên đơn, bà L yêu cầu bà H thanh toán số tiền nợ gốc 1.550.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh. Hội đồng xét xử xác định, việc bà L cho bà H vay bà số tiền 1.550.000.000 đồng, bà L cung cấp tài liệu chứng cứ là 01 bản chính giấy nhận nợ do bà H viết và ký nhận thể hiện nội dung: Người mượn tiền là Vũ Thị H, số tiền mượn là 1.550.000.000 đồng, thời hạn mượn là 01 tháng. Căn cứ vào Điều 93; khoản 1, khoản 8 Điều 94; khoản 1 Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử chấp nhận chứng cứ do bà L cung cấp, như vậy có cơ sở để xác định việc bà H vay bà L số tiền 1.550.000.000 đồng là có thật. Bà L cho rằng bà H chưa thanh toán số tiền nợ vay nói trên, bản thân bà H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để trình bày ý kiến của bà H về việc đã thanh toán số tiền nợ vay hay chưa, nhưng bà H vắng mặt không lý do, như vậy bà H tự khước từ quyền và nghĩa vụ của bà H, do đó hội đồng xét xử chấp nhận lời trình bày của bà L về việc bà H chưa thanh toán số tiền nợ vay, buộc bà H thanh toán cho bà L số tiền nợ gốc 1.550.000.000 đồng.

Đối với khoản tiền lãi phát sinh, tại phiên tòa hôm nay bà D đại diện theo ủy quyền của bà L yêu cầu bà H có nghĩa vụ thanh toán tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất 0.83%/tháng đối với khoản vay 1.550.000.000 đồng kể từ ngày 18/4/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 15/01/2020. Căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự và khoản 1 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao xác định, việc bà L yêu cầu bà H trả tiền lãi tính theo lãi suất 0.83%/tháng là có căn cứ chấp nhận. Do vậy chấp nhận yêu cầu của bà L về việc buộc bà H phải thanh toán số tiền nợ lãi phát sinh của khoản nợ vay 1.550.000.000 đồng. Khoản nợ vay 1.550.000.000 đồng từ ngày 18/4/2019 đến ngày 15/01/2020 là 08 tháng lẻ 28 ngày. Khoản lãi suất phát sinh được xác định: 1.550.000.000 đồng x 08 tháng lẻ 28 ngày x lãi suất 0.83%/tháng = 114.927.333 đồng.

Tổng cộng bà H có nghĩa vụ thanh toán cho bà L số tiền nợ gốc và nợ lãi là 1.550.000.000 đồng nợ gốc + 114.927.333 đồng nợ lãi = 1.664.927.333 đồng.

Tại phiên tòa, bà L đồng ý trả lại cho bà H 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Vũ Thị H, số sổ BS 740526, do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 27/3/2014.

[4] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L nên cần buộc bà H phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm trên số tiền 1.664.927.333 đồng phải trả cho bà L là (36.000.000 đồng + 3% của phần giá trị tranh chấp vượt quá 800.000.000 đồng) = 61.947.820 đồng án phí Dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 357; 463; 465; 466; 468 của Bộ luật Dân sự;
- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L. Buộc bà Vũ Thị H có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị L số tiền 1.664.927.333 đồng. (Một tỷ sáu trăm sáu mươi bốn triệu chín trăm hai mươi bảy nghìn ba trăm ba mươi ba đồng) trong đó, tiền nợ gốc 1.550.000.000 đồng và tiền lãi 114.927.333 đồng.

Về án phí: Buộc bà Vũ Thị H phải chịu 61.947.820 đồng (Sáu mươi một triệu chín trăm bốn mươi bảy nghìn tám trăm hai mươi đồng) án phí Dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền 29.250.000 đồng bà Nguyễn Thị L đã tạm nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0013711 ngày 03/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản sao bản án hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đ;
- THADS huyện Đ;
- Dương sự;
- Lưu: HS, AV.

Ngô Anh Tuấn